

Bản án số: **41/2018/DS-PT**
Ngày 19-3-2018
V/v “tranh chấp hợp đồng góp
hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũ**

Các Thẩm phán: Ông **Mai Thiện Kế**

Ông **Nguyễn Khánh Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Vinh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Tăng Thị Thúy Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/ TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 86/2017/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Z, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 30/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Thị A**, sinh năm 1957, cư trú tại số 276, ấp X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Bà **Lê Thị B**, sinh năm 1956, cư trú tại số 161, ấp X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người kháng cáo: Bà Lê Thị B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là bà Phan Thị A trình bày:

Bà Lê Thị B có tham gia 3 dây hội do bà làm chủ hội như sau:

Dây hội 1: Là hội mùa khai lần đầu vào ngày 30/3/2010 (âm lịch), gồm có 14 chân hội, mỗi chân 2.000.000 đồng. Trong dây hội này bà B tham gia 2 chân hội. Chân hội 1 bà B đóng hội sống đến lần thứ 7 thì hốt và đóng hội chết đến lần thứ 12 thì ngưng đóng, bà A phải đứng ra đóng thay cho bà B với số tiền là 4.000.000 đồng; Chân hội 2 bà B đóng hội sống được 10 lần thì bể hội, tổng vốn lãi là 20.000.000 đồng (phần chân hội 2 này bà B không thiếu bà).

Dây hội 2: Đây là hội mùa, khai lần đầu vào ngày 25/7/2011 (âm lịch) hội gồm có 17 chân hội, mỗi chân hội là 2.000.000 đồng. Bà B tham gia 1 chân hội, bà B hốt và đóng hội chết đến lần thứ 6, còn 11 lần hội chết chưa đóng nên bà A phải đóng thay cho bà B 11 chân hội chết với số tiền 22.000.000 đồng.

Dây hội 3: Đây là hội tháng, khai lần đầu vào ngày 15/4/2011 (âm lịch), hội gồm có 31 chân, mỗi chân là 500.000 đồng, bà B tham gia 1 chân hội, bà B hốt và đóng hội chết được 28 lần, còn 3 lần hội chết thì không đóng nên bà A đóng thay với số tiền là 1.500.000 đồng.

Tổng cộng bà Lê Thị B còn nợ bà A với số tiền là 27.500.000 đồng nhưng do bà B còn chân hội sống chưa hốt hội với số tiền 20.000.000 đồng nên khi trừ số tiền này ra thì bà B còn nợ bà với số tiền 7.500.000 đồng. Nay bà Phan Thị A yêu cầu bà Lê Thị B trả cho bà với số tiền là 7.500.000 đồng, bà A không yêu cầu tính lãi và bị đơn phải trả số tiền nêu trên trong thời gian ngắn.

Bị đơn bà Lê Thị B trình bày:

Bà B thống nhất với tất cả nội dung khởi kiện của bà Phan Thị A nêu trên và bà hiện còn nợ bà Phan Thị A với số tiền là 7.500.000 đồng vốn nhưng bà B không đồng ý trả vì số tiền hội sống 20.000.000 đồng đến nay đã quá lâu mà bà A chưa giao nếu như tính lãi với số tiền chậm thanh toán này thì coi như huề nhau.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Z thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2017/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2017 đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Họ, hội, bêu, phường;

Căn cứ khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về Án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung 2014);

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị A. Buộc bà Lê Thị B có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phan Thị A số tiền hui là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18/12/2017 bà Lê Thị B kháng cáo bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại bản án theo hướng do bà Phan Thị A bị bể hui nên trả hui sống bằng vốn thì hui viên đóng hui chết bằng vốn chứ không đồng ý tính lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phan Thị A không rút đơn khởi kiện, bị đơn Lê Thị B giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật về tố tụng. Xét kháng cáo của bà Lê Thị B là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã chấp hành tốt theo giấy triệu tập của Tòa án.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn là bà Lê Thị B về hình thức và thủ tục kháng cáo vẫn còn trong thời hạn do pháp luật quy định nên Hội đồng

xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn là bà Lê Thị B:

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị B về việc cho rằng “do bà Phan Thị A bị bể hụi nên trả hụi sống bằng vốn thì hụi viên đóng hụi chết bằng vốn chứ không đồng ý tính lãi”. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 30 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phưởng: *“Trong trường hợp thành viên không góp phần họ, chủ họ đã góp các phần họ thay cho thành viên đó thì thành viên phải trả cho chủ họ các phần họ chậm trả và khoản lãi đối với các phần họ chậm trả...”*. Như vậy, việc bà A khởi kiện bà B yêu cầu phải trả số tiền 7.500.000 đồng (do bà A phải thực hiện thay nghĩa vụ của bà B) là đúng quy định của pháp luật. Bởi vì bà Lê Thị B đã vi phạm nghĩa vụ của hụi viên khi không thực hiện nghĩa vụ góp hụi sau khi hốt hụi nên bà A đứng ra thanh toán thay cho bà B, các hụi viên là người hưởng lãi chứ không phải bà A. Lẽ ra trong vụ án này bà A có quyền yêu cầu bà B phải trả lãi đối với số tiền là 7.500.000 đồng nhưng do nguyên đơn không yêu cầu là có lợi cho bị đơn. Từ những nhận định nêu trên cho thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị B là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Lê Thị B cho rằng số tiền hụi sống 20.000.000 đồng lẽ ra bà được nhận sớm nhưng bà A giữ lại để cản trở thì phải tính lãi cho bà, và nếu tính lãi thì coi như huề nhau. Xét thấy, theo quy định tại Điều 29 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phưởng đã có quy định trách nhiệm trong việc chậm giao tiền hụi cho hụi viên. Bà B có quyền yêu cầu bà A thanh toán phần lãi chậm giao đối với số tiền hụi 20.000.000 đồng nhưng từ khi thụ lý giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm bà Lê Thị B không đưa ra yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị A nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không thụ lý xem xét việc bà yêu cầu cản trở lãi là đúng quy định pháp luật. Mặc dù tại biên bản hòa giải ngày 14/11/2017 (Bút lục số 10) bà B có trình bày “vì số tiền hụi sống mà bà A nợ tôi đến nay đã quá lâu, nếu tính lãi coi như huề nhau” nhưng lời trình bày của bà không phải là yêu cầu phản tố và cũng không rõ ràng, không thể hiện được số tiền lãi chậm giao mà bà yêu cầu là bao nhiêu, căn cứ tính toán số tiền lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với yêu cầu này của bà Lê Thị B.

[6] Do kháng cáo của bị đơn Lê Thị B không được chấp nhận và bản án sơ thẩm vẫn được giữ nguyên cho nên người kháng cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng do bà Lê Thị B là người cao tuổi và có Đơn xin miễn án phí, nên thuộc vào trường hợp được miễn án

phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12 /2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp án phí, lệ phí tòa án. Do đó, HĐXX quyết định miễn án phí phúc thẩm cho bà Lê Thị B.

[7] Đối với phát biểu của Kiểm sát viên về việc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1] Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị B;

[2] Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 86/2017/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Sóc Trăng. Án sơ thẩm tuyên như sau:

“Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Hộ, hội, bưu, phường;

Căn cứ khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về Án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung 2014);

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị A. Buộc bà Lê Thị B có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phan Thị A số tiền hội là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015”.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Lê Thị B được miễn nộp 300.000 đồng.

Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hiệu lực Bản án phúc thẩm: Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Z;
- Chi cục THADS huyện Z;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Dũ